

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2025/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

V/v “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Trường

Thư ký phiên họp: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 125/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2025, giữa:

* Người yêu cầu:

- Anh **Trần Bá L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã D, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan;

- Chị **Đặng Quỳnh T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã D, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

* Người được anh L, chị T ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị Hồ Thị D, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu G, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Anh L1, chị T và chị D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của anh Trần Bá L và chị Đặng Quỳnh T và các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Bá L và chị Đặng Quỳnh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là xã D), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 27/12/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2020, anh chị cùng đi lao động ở nước ngoài, chị T đi lao động ở Đài Loan, còn anh L đi lao động ở Nhật Bản. Do xa cách nên tình cảm vợ chồng càng mờ nhạt, đến năm 2024, anh L về nước và sang Đài Loan lao động nhưng vợ chồng không ở gần nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nay chị T và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Vợ chồng không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L1 và chị T đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Anh L1, chị T thống nhất anh, chị cùng chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên họp, anh L1, chị T đều có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; chị D có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết việc hôn nhân gia đình: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Bá L và chị Đặng Quỳnh T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về lệ phí: Anh L1 và chị T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Bá L và chị Đặng Quỳnh T hiện đang sinh sống Đài Loan, đều có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại huyện T, tỉnh Hải Dương. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản anh L đã gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương gồm Đơn xin ly hôn, Giấy ủy quyền, Đơn đề nghị giám định, đơn xin giải quyết vắng mặt chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của anh L trên các tài liệu này. Tại Kết luận giám định số 624/KL-KTHS ngày 10/3/2025 của Phòng K Công an thành phố H đã kết luận: *“Các dấu vân tay ký hiệu từ DV1 đến DV40 in trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4 với các dấu vân tay in lần lượt tại các ô tương ứng trên 01 (một) bộ Tờ khai chứng minh nhân dân, chỉ bản số: 142419781 mang tên Trần Bá L (mẫu so sánh) là của cùng một người”*. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản anh L gửi về đúng là ý chí, quan điểm của anh L.

Các văn bản chị T đã gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương gồm Đơn xin ly hôn, Giấy ủy quyền, Đơn đề nghị giám định, đơn xin giải quyết vắng mặt chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký của chị T trên các tài liệu này. Tại Kết luận giám định số 615/KL-KTHS ngày 12/3/2025 của Phòng K Công an thành phố H đã kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Quỳnh T trên các mẫu giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Đặng Quỳnh T trên mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký, viết ra”*. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản chị T gửi về đúng là ý chí, quan điểm của chị T.

[1.3] Tại phiên họp, anh L, chị T vắng mặt, đều có đơn xin vắng mặt; chị D có quan điểm xin vắng mặt nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Bá L và chị Đặng Quỳnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là xã D), huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 27/12/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh L và chị T đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau, từ năm 2020 đến nay, anh L và chị T sống ly thân, mặc dù từ năm 2024 vợ chồng cùng làm việc tại Đài Loan nhưng không quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh L, chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh L và chị T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Không có.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh L1, chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí: Anh L1 và chị T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình, mỗi người chịu 150.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Bá L và chị Đặng Quỳnh T.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh L1 và chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp thay, theo Biên lai thu số 0005499 ngày 21/01/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị D đã thay anh L1, chị T nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Dân An, huyện Tứ Kỳ (để lưu vào sổ ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Xuân Trường